



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE

AQUATEX BENTRE®

Thành viên TẬP ĐOÀN PAN
Tân Thạch - Châu Thành - Bến Tre
Tel: 02753 860265 - Fax: 02753 860346
E-mail: abt@aquatexbentre.com - Website: www.aquatexbentre.com

Số: 146 /BC.ABT

Bến Tre, ngày 15 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE

I/ Thông tin chung

1/ Thông tin khái quát

- Tên giao dịch tiếng Anh: BENTRE AQUAPRODUCT IMPORT AND EXPORT JOINT STOCK CO.
- Tên viết tắt: AQUATEX BENTRE
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1300376365, do Sở KH & ĐT Bến Tre cấp thay đổi lần 10 ngày 04/06/2019.
- Vốn điều lệ: 141.072.070.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2019: 413.145.877.902 đồng
- Địa chỉ: Trụ sở chính: Ấp 9, Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.
 - + Điện thoại: 0275. 3860 265
 - + Fax: 0275. 3860 346
 - + Email: abt@aquatexbentre.com
 - + Website: www.aquatexbentre.com
- Mã cổ phiếu: ABT
- Quá trình hình thành và phát triển:

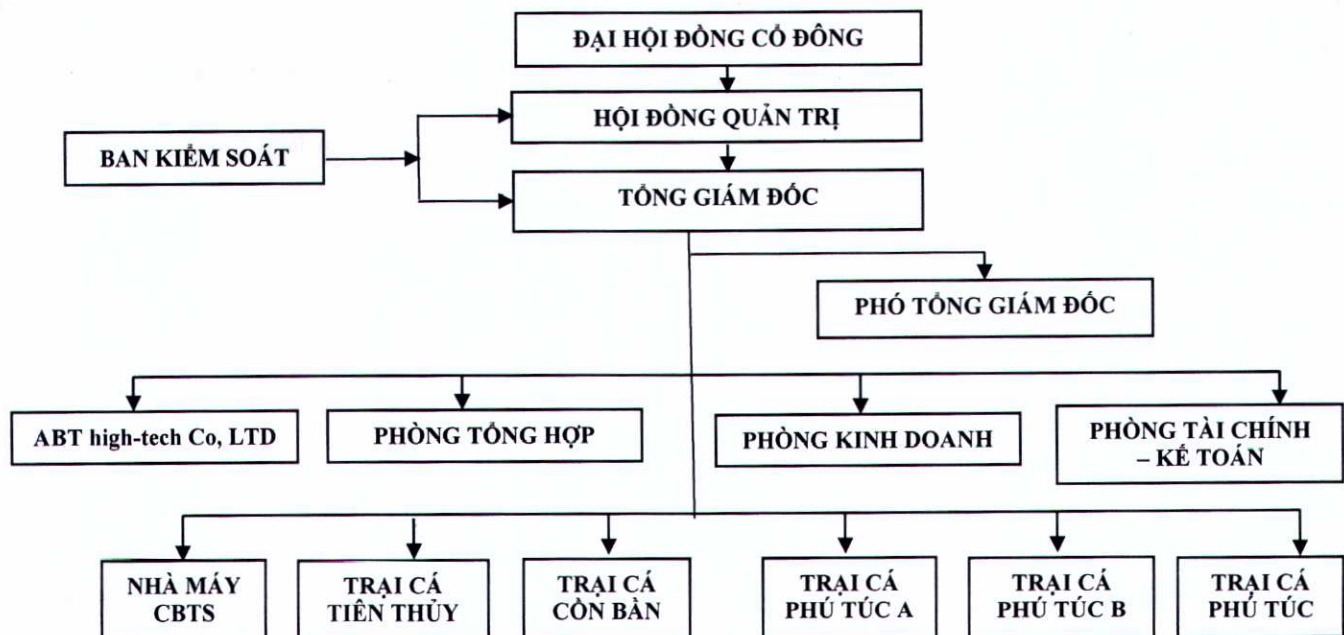
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre tiền thân là Xí nghiệp Đông lạnh 22 được UBND tỉnh Bến Tre thành lập năm 1977, cấp quản lý trực tiếp là Sở Thủy sản Bến Tre. Trong quá trình hoạt động, tên Công ty có thay đổi như sau: Từ 1977 đến 1988: Xí nghiệp Đông lạnh 22; Từ 1988 đến 1992: Liên hiệp các xí nghiệp thủy sản xuất khẩu Bến Tre; Từ 1992 đến 2003: Công ty Đông lạnh thủy sản xuất khẩu Bến Tre. Từ 2004: Công ty Đông lạnh thủy sản xuất khẩu Bến Tre được cổ phần hoá và chuyển thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre.

2/ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh:** Nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản.
- **Địa bàn kinh doanh:** trụ sở Công ty, nhà máy chế biến và các vùng nuôi của Công ty đều tọa lạc trên địa bàn tỉnh Bến Tre; sản phẩm của Công ty đã có mặt tại các nước: EU (46,1%), Nhật (37,3%) và các nước khác (16,6%).

3/ Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị:** Công ty được quản lý và điều hành theo cơ cấu tổ chức gồm: Đại hội đồng cổ đông (ĐHCCĐ), Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát (BKS), Ban Tổng Giám đốc.
- **Cơ cấu bộ máy quản lý**



4/ Định hướng phát triển

a/ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Không ngừng cải tiến và nâng cao năng lực quản lý để giữ vững tốc độ sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty.

b/ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Nâng cấp chất lượng, đưa hoạt động ương nuôi cá tra đạt trình độ hàng đầu Việt Nam.
- Duy trì sản xuất đồng thời 2 nhóm sản phẩm nghêu và cá tra, mở rộng chủng loại và số lượng các mặt hàng chế biến có GTGT và hàng có chứng nhận.
- Đầu tư về chiều sâu, tăng cường công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất- chất lượng và hiệu quả.
- Tiếp tục hoàn thiện các qui trình kiểm soát nội bộ, tăng cường các giải pháp quản trị và quản lý tiên tiến trong toàn Công ty.

c/ Các mục tiêu phát triển bền vững môi trường, xã hội và cộng đồng và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, không chỉ đặt lợi nhuận lên hàng đầu, Công ty còn phải gắn liền với trách nhiệm xã hội, đảm bảo những hoạt động của mình tuân thủ theo pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

5/ Các rủi ro

Tuy ngành thủy sản Việt Nam đã xác lập được vị thế và tính cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế và có những yếu tố hỗ trợ tốt cho những năm tới nhưng ngành thủy sản vẫn còn gặp nhiều khó khăn do những yếu tố bên ngoài và những yếu tố nội tại của ngành như các yếu tố:

a/ Rủi ro kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước và của các nước nhập khẩu có ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ thủy sản. Khi kinh tế tăng trưởng, mức tiêu thụ thủy sản của người tiêu dùng cũng tăng và ngược lại,... do đó sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, lãi suất tiền gửi ngân hàng, tình hình lạm phát, v.v... ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

- Khi xảy ra lạm phát, Công ty phải tăng vốn lưu động, do đó làm giảm khả năng sinh lời có thể mang lại.

b/ Rủi ro về môi trường:

- Nghêu: Sản lượng nghêu nuôi phụ thuộc vào nguồn giống tự nhiên. Thời tiết nắng nóng kéo dài, môi trường ô nhiễm, xuất hiện tảo độc,... làm cho nghêu chết nhiều trong quá trình nuôi.

- Cá tra: Nguy cơ suy thoái môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và dịch bệnh phát triển. Không xảy ra dịch bệnh lớn, nhưng bệnh cá xảy ra thường xuyên trong quá trình ương nuôi.

c/ Rủi ro xuất phát từ đặc điểm kinh doanh

- Nguyên liệu đầu vào hạch toán bằng tiền đồng nhưng doanh thu là ngoại tệ nên khi tỷ giá có biến động tăng thì doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ tăng và ngược lại.

- Chi phí sản xuất ngày càng tăng, lao động có tay nghề và lao động phổ thông bị cạnh tranh trong và ngoài ngành.

d/ Rủi ro về thị trường tiêu thụ

- Việc xâm nhập vào các thị trường EU, Nhật và Mỹ vẫn còn nhiều rủi ro do sự cạnh tranh của sản phẩm cùng loại, sự thay đổi hành vi người tiêu dùng, đặc biệt là các rào cản thương mại, rào cản kỹ thuật của các nước được áp dụng mạnh hơn, trong khi rào cản cũ vẫn có thể được tiếp tục duy trì.

- Cá tra sẽ phải cạnh tranh với các sản phẩm thủy sản thịt trắng có thể được người tiêu dùng các nước chọn thay thế cá tra như cá tuyết, cá rô phi đang gia tăng nguồn cung.

e/ Rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu

Trong hoạt động chế biến, xuất khẩu thủy sản thường xảy ra các rủi ro như qui cách chất lượng sản phẩm không phù hợp, sản phẩm bị trả lại, bị giảm giá; các rủi ro phát sinh trong quá trình vận chuyển, phân phối sản phẩm, v.v... tác động xấu đến hoạt động SXKD của Công ty.

f/ Rủi ro về luật pháp

Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới,... liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng tới Công ty.

g/ Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn mặn, bão lụt, động đất, v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn.

II/ Tình hình hoạt động trong năm

1/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% tăng, giảm so năm 2018	% đạt so kế hoạch năm 2019
1	Thành phẩm thủy sản	7.000 tấn	6.565 tấn	-2,3 %	93,8 %
2	Doanh thu thuần	400 tỷ đồng	361 tỷ đồng	-8,79 %	90,29 %
3	Lợi nhuận trước thuế	50 tỷ đồng	50 tỷ đồng	-31,06 %	102,15 %
4	Lợi nhuận sau thuế		48 tỷ đồng	-27,02 %	
5	Tỷ lệ cổ tức	Tối thiểu 30 %	30 %		
6	Lãi cơ bản trên CP		4.235 đồng		

2/ Tổ chức và nhân sự

a/ Danh sách Ban điều hành

+ Ông **Phan Hữu Tài** - Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 04/10/1977

- Nơi sinh: Bến Tre

- Địa chỉ thường trú: Xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngoại thương

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết

- Số cổ phần của những người có liên quan: Bà Trịnh Hồng Nhiên (Vợ) - Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần (0,01% số cổ phần có quyền biểu quyết)

+ Ông **Bùi Kim Hiếu** - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 28/08/1971

- Nơi sinh: Bến Tre

- Địa chỉ thường trú: Xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy sản, Cử nhân Quản trị kinh doanh

- Số cổ phần nắm giữ: 23.088 cổ phần, chiếm 0,20% số cổ phần có quyền biểu quyết

- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có

+ Bà **Nguyễn Thị Ngọc Lê** - Kế toán trưởng

- Ngày sinh: 17/12/1963

- Nơi sinh: Bến Tre

- Địa chỉ thường trú: Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

- Số cổ phần nắm giữ: 6 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết

- Số cổ phần của những người có liên quan: không có

b/ Những thay đổi trong ban điều hành: Ông Phan Hữu Tài giữ chức vụ Tổng Giám đốc thay cho Ông Đặng Kiệt Tường theo Nghị quyết HĐQT số 03 và 04/NQ.ABT ngày 31/05/2019.

c/ Số lượng CB-NV - Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Số lượng CB-CN: 715 người (đến 31/12/2019)

- Tóm tắt chính sách: Công ty thực hiện tốt các chế độ chính sách theo đúng các qui định của pháp luật, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe cho người lao động. Chính sách phúc lợi và các đãi ngộ khác như khám sức khỏe định kỳ, cấp tiền tham quan nghỉ mát, chính sách thai sản,... cũng được Công ty thực hiện tốt nhằm thể hiện sự gắn kết, quan tâm của Công ty đối với người lao động và nâng cao tính cạnh tranh về nhân lực của Công ty.

- Thay đổi trong chính sách đối với người lao động: điều chỉnh tăng lương, thưởng cho người lao động.

3/ Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a/ Các khoản đầu tư lớn: Không có

b/ Các công ty con, công ty liên kết:

- Từ 28/10/2019, Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta không còn là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre.

- Tháng 11/2019 Công ty Cổ phần XNK thủy sản Bến Tre thành lập công ty con là Công ty TNHH Thủy sản công nghệ cao AQUATEX BEN TRE.

4/ Tình hình tài chính (theo Báo cáo tài chính 2019 - Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán)

a/ Tình hình tài chính (ĐVT: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng, giảm so năm 2018
Tổng giá trị tài sản	535.545.315.630	538.465.837.204	+0,55 %
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	395.938.370.327	361.150.388.856	-8,79 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	73.622.483.784	54.791.213.693	-25,58 %
Lợi nhuận khác	(68.542.761)	(4.082.271.629)	
Lợi nhuận trước thuế	73.553.941.023	50.708.942.064	-31,06 %
Lợi nhuận sau thuế	66.728.981.488	48.699.609.578	-27,02 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	58,04%	42,36%	

b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,41	2,15
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,30	0,8
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,21	0,23
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,26	0,30
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,81	2,15
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,74	0,67
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,17	0,13
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,16	0,12
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,12	0,09
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,19	0,15

5/ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a/ Cổ phần:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 11.497.257 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 11.497.257 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.609.950

b/ Cơ cấu cổ đông: (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 20/03/2020)

- Cơ cấu vốn cổ đông

Stt	Danh mục	Số cổ phần	%	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông bên trong:					
	HDQT	22.040	0,16	1		1
	BKS	708	0,005	1		1
	Ban Tổng Giám đốc	23.088	0,16	1		1
2	Cổ đông bên ngoài:					
	Trong nước	13.689.928	97,042	931	38	893
	Ngoài nước	371.443	2,633	98	10	88
3	Cộng:	14.107.207	100	1.032	48	984

- Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết

<i>Stt</i>	<i>Tên cổ đông</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Số cổ phần nắm giữ</i>	<i>Tỷ trọng (%)</i>
1	Công ty CP Thực phẩm PAN	Lô A1-9, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	9.006.029	78,33
2	Lương Thanh Tùng	37 Nguyễn An Ninh, P.2, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang	1.239.756	10,78

c/ **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có

d/ **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

e/ **Các chứng khoán khác:** Không có

6/ Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1/ Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 11.000 tấn.

- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.

6.2/ Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 7.105.300 KW điện, 175.391 lít dầu DO và FO

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có

- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng, báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có

6.3/ Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng chế biến thủy sản: nước giếng ngầm, 85.624 m³

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.4/ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: tốt

6.5/ Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 715 người, 6.500.000 đồng/người/tháng.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: cơm giữa ca miễn phí; đóng đầy đủ các chế độ theo luật định: nghỉ lễ, phép năm; nghỉ ốm, đau,... hưởng BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp; thưởng lễ, Tết; nghỉ mát hàng năm, lương tháng 13; trường mầm non giữ trẻ cho người lao động.

- Hoạt động đào tạo người lao động

+ Số giờ đào tạo trung bình trong năm, theo nhân viên (8.352 giờ) và theo phân loại nhân viên (quản lý: 808 giờ; công nhân trực tiếp sản xuất: 7.544 giờ).

+ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đào tạo an toàn điện; nâng cao kỹ năng tự kiểm tra và đánh giá điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm các Nhà máy chế biến thủy sản; an toàn PCCC; lãnh đạo tạo gắn kết; tái đào tạo các thủ tục, chính sách của Công ty.

- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: chi 483.000.000 đồng hỗ trợ cộng đồng.

- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có.

III/ Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1/ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong bối cảnh tình hình khó khăn cả trong và ngoài nước, Công ty đã tạo được nền tảng cơ bản cho các hoạt động nuôi trồng, chế biến và kinh doanh là tiền đề tốt cho các năm tiếp theo.

2/ Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài sản:

- Tài sản ngắn hạn:

+ Tài sản ngắn hạn cuối năm 2019 của Công ty đạt 258,5 tỷ đồng, giảm 3,1% so với cùng kỳ, phần lớn do khoản tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn dưới 1 năm từ 60 tỷ đồng giảm xuống còn 24 tỷ đồng, khoản phải thu giảm 10,7 tỷ đồng trong khi tồn kho tăng 39,6 tỷ đồng. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn khoản tiền và tiền gửi kỳ hạn chiếm 19%, hàng tồn kho chiếm 63%, các khoản phải thu chiếm 10,7%. Các tài sản ngắn hạn khác chiếm 7,5%. Tính thanh khoản của Công ty cao do các khoản tiền, tiền gửi ngân hàng kỳ hạn chiếm tỷ lệ cao, hệ số thanh toán nợ hiện hành đạt mức 2,2 lần, tương đương năm 2018.

+ Các khoản phải thu cuối năm giảm nhẹ 2,4% so với đầu năm, trong đó phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm 27,5%, trong khi phải thu ngắn hạn khác tăng 145% chủ yếu do phải thu cổ tức 12,1 tỷ từ CTCP Thực phẩm

Sao Ta (đã thanh toán trong tháng 1/2020).

+ Hàng tồn kho cuối năm tăng 32% so với đầu năm do chi phí sản xuất dở dang và thành phẩm đều tăng.

- Tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn của Công ty tăng nhẹ 4,2% so với cuối năm 2018 do Công ty tích cực đầu tư cơ sở vật chất làm tăng chi phí XDCB dở dang.

b/ Tình hình nợ phải trả:

Nợ ngắn hạn cuối năm 2019 của Công ty là 125 tỷ đồng, tăng 8% so với đầu năm do khoản vay ngắn hạn, phải trả người lao động và chi phí phải trả tăng. Khoản nợ dài hạn của Công ty là dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập theo Luật Lao động.

3/ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thành lập Phòng Đảm bảo chất lượng (Phòng Q.A) trực thuộc Công ty.

- Thành lập Công ty TNHH Thủy sản công nghệ cao AQUATEX BENTRE.

4/ Kế hoạch phát triển trong tương lai

Triển khai thực hiện theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên.

5/ Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

IV/ Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

1/ Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

- HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

- Hoạt động SXKD của Công ty năm 2019 đã đi đúng hướng, phù hợp với tình hình kinh tế trong và ngoài nước, phù hợp với nội lực của Công ty; tuân thủ và chấp hành nghiêm các qui định của Pháp luật đảm bảo hoạt động SXKD an toàn và đạt hiệu quả.

- Lãnh đạo Công ty đã nhận thức rõ các khó khăn thách thức và các thuận lợi và kịp thời đề ra các biện pháp có hiệu quả, chủ động đối phó với các tình huống thực tế.

- Tiếp tục củng cố các lợi thế có được từ quá trình phát triển như chất lượng và thương hiệu sản phẩm, kinh nghiệm và năng lực, sự đoàn kết và quyết tâm của đội ngũ cán bộ công nhân, năng lực tài chính tích lũy.

2/ Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- HĐQT ghi nhận sự nỗ lực và cố gắng của Ban Tổng Giám đốc trong suốt quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm.

- Tổng Giám đốc điều hành báo cáo nhanh kết quả kinh doanh và những phát sinh đột xuất cho các thành viên HĐQT.

- Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty đã tổ chức triển khai và thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT đầy đủ, kịp thời, theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ, đảm bảo điều hành hoạt động SXKD an toàn và đạt hiệu quả.

- Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty đã tuân thủ tốt điều lệ và các quy chế, quy trình quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng.

- Tiếp tục duy trì thành công việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như BRC, IFS, MSC CoC, ASC CoC, ASC, GlobalGAP.

3/ Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2020 (Kế hoạch dự kiến, chưa được ĐHCĐ 2019 thông qua)

- Thành phẩm thủy sản: 7.000 tấn;

- Doanh thu thuần: 400 tỷ đồng;

- Lợi nhuận trước thuế: 50 tỷ đồng;

- Chia cổ tức: tối thiểu 20 - 30%

V/ Quản trị công ty

1/ Hội đồng quản trị

a/ Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Stt	Cơ cấu HĐQT	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Thành viên HĐQT		Số lượng chức danh thành viên HĐQT năm giữ tại các công ty khác
			Không điều hành	Độc lập	
1	Ông Đặng Kiệt Tường - Chủ tịch	0,19 %	X		1
2	Ông Nguyễn Văn Khải - P.Chủ tịch	0%	X	X	2
3	Ông Nguyễn Trung Anh - Thành viên	0%	X	X	0
4	Ông Trần Đức Tuyên - Thành viên (từ nhiệm từ ngày 12/03/2020)	0%	X	X	0
5	Ông Bùi Kim Hiếu - Thành viên (từ nhiệm từ ngày 01/02/2020)	0,2 %			0

HĐQT Công ty có 3 thành viên độc lập bảo đảm tính minh bạch và theo đúng quy định hiện hành.

b/ Các tiêu ban thuộc HĐQT

HĐQT không thành lập các tiêu ban do cơ cấu tổ chức Công ty được tổ chức theo hướng tích hợp các chức năng kiểm soát, quản trị rủi ro vào chính các phòng nghiệp vụ. Các phòng nghiệp vụ của Công ty chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và báo cáo cho HĐQT theo yêu cầu thông qua kênh liên lạc là Thư ký Công ty. HĐQT phân công cho thành viên HĐQT theo dõi, phụ trách một số mặt công tác của Công ty trong từng thời điểm.

c/ Hoạt động của HĐQT

- Hoạt động của HĐQT:

+ Giám sát Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc thực hiện các qui định về quản trị Công ty, trong công bố thông tin để đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo đúng quy định.

+ Giám sát Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong điều hành SXKD và thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ đã ban hành.

+ Họp định kỳ mỗi quý đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và xây dựng phương hướng, kế hoạch SXKD của Công ty cho quý tiếp theo.

+ Phân công cho từng thành viên HĐQT theo dõi một số mặt công tác của Công ty.

+ Từng thành viên HĐQT chủ động và tích cực trong việc thực thi nhiệm vụ được giao và đóng góp ý kiến vào quyết định chung của HĐQT.

- Số lượng các cuộc họp của HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Đặng Kiệt Tường	Chủ tịch	9/9	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Khải	Phó Chủ tịch	9/9	100%	
3	Ông Nguyễn Trung Anh	Thành viên	9/9	100%	
4	Ông Trần Đức Tuyên	Thành viên	7/9	78%	
5	Ông Bùi Kim Hiếu	Thành viên	9/9	100%	

- Nội dung và kết quả của các cuộc họp: Đã ban hành các Nghị quyết

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01	23/01/2019	Chia tạm ứng cổ tức đợt 2/2018
2	02	01/03/2019	Triệu tập ĐHCĐ thường niên 2019
3	03	31/05/2019	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc
4	04	31/05/2019	Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc
5	05	06/06/2019	Chọn công ty kiểm toán BCTC 2019
6	06	05/07/2019	Chia tạm ứng cổ tức đợt 1/2019
7	07	12/09/2019	Chuyển nhượng quyền mua cp FMC cho PAN food
8	08	17/10/2019	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty
9	09	11/11/2019	Thành lập Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao ABT
10	10	14/11/2019	Điều chỉnh tên Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao ABT thành Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao AQUATEX BENTRE

d/ Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên HĐQT độc lập vừa tham gia các hoạt động chung của HĐQT và trực tiếp theo dõi, giám sát công tác quản lý của Ban điều hành do HĐQT phân công.

e/ Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Ông Nguyễn Văn Khải và Ông Bùi Kim Hiếu.

- Thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2/ Ban kiểm soát

a/ Thành viên và cơ cấu của BKS

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Đặng Thị Bích Liên	Trưởng BKS	0,006%
2	Ngô Thị Kim Phụng	Thành viên	0%
3	Phạm Tiến Đắc	Thành viên	0%

Trưởng BKS là thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán, không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo Tài chính của Công ty.

b/ Hoạt động của BKS

Năm 2019 các thành viên tổ chức họp BKS 5 lần, các thành viên cũng thường xuyên giữ mối liên hệ để kịp thời nắm bắt các hoạt động của Công ty.

Nội dung các cuộc họp trong năm 2019 tập trung vào các công việc như: Giám sát việc tuân thủ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHCĐ, hoạt động của HĐQT và Ban điều hành; Giám sát tình hình tài chính hàng quý, tình hình nuôi và sản xuất thủy sản; Giám sát tình hình thực hiện chính sách cho người lao động, tình hình đầu tư máy móc, xây dựng cơ bản,... và các vấn đề khác có liên quan.

Kết quả kiểm tra, giám sát:

+ Tình hình hoạt động và tình hình tài chính

Hoạt động nuôi: Công ty tiếp tục đầu tư hoạt động ương cá giống, tăng cường cơ sở vật chất cho các Trại, đảm bảo cá nguyên liệu ổn định cung cấp đủ cho hoạt động chế biến.

Hoạt động chế biến: Công tác quản lý sản xuất và kiểm soát chất lượng sản phẩm luôn được Ban Tổng Giám đốc quan tâm đúng mức như: cân đối nguyên liệu hàng ngày; kiểm tra chặt chẽ từng công đoạn trong sản xuất; duy trì các biện pháp quản lý vi sinh và kiểm soát tạp chất; kiểm tra cảm quan, kiểm tra bao bì sản phẩm; thực hiện đầu tư kho lạnh và cải tiến trong dây chuyền sản xuất cá và nghêu, ...

Tình hình bán hàng: Trong năm, trước tình hình thị trường chững lại, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động chào bán hàng, tích cực mở rộng danh mục khách hàng, đặc biệt là các siêu thị. Nhờ lợi thế về quy trình khép kín và tự chủ cá nguyên liệu, cá giống, Công ty đã thuyết phục được các khách hàng khó tính, đặc biệt là thị trường Nhật Bản với doanh số tăng 6%. Trong đó, Công ty đẩy mạnh sản phẩm GTGT, nhờ đó doanh số hàng GTGT tăng 9,8% so với cùng kỳ. Công ty tiếp tục ký một số đơn hàng GTGT để giao hàng dài hạn trong năm 2020.

Tình hình tài chính: Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định. Báo cáo tài chính bán niên và năm 2019 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập. Báo cáo tài chính năm được trình bày trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Các trao đổi, kiến nghị của BKS trong quá trình giám sát về mặt tài chính hàng quý được Công ty xem xét, trả lời và hiệu chỉnh kịp thời. Việc trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm được thực hiện đúng theo nghị quyết ĐHCĐ.

+ Việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ: Công ty hoạt động tuân thủ đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Công ty chấp hành đúng quy định về công bố thông tin đối với Công ty niêm yết. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, chi tạm ứng cổ tức, bổ sung nhân sự,... được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website của Công ty, tạo điều kiện cung cấp thông tin cho Cổ đông và nhà đầu tư.

+ Hoạt động của HĐQT, Ban điều hành Công ty: Các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ, thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt vai trò quản lý và điều hành, nỗ lực đem lại kết quả kinh doanh tốt nhất cho Công ty. HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình chỉ đạo, điều hành nhằm tháo gỡ các khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh để thực hiện kế hoạch mà ĐHCĐ đã giao. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHCĐ, quyết định các nhiệm vụ cụ thể để Ban điều hành triển khai thực hiện. Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc căn cứ Nghị quyết, quyết định của HĐQT triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời và cẩn trọng để đạt được kết quả tốt nhất.

+ Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông: HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho BKS thực hiện chức năng giám sát của BKS. Các tài liệu như Báo cáo tình hình hoạt động của công ty hàng quý, các Nghị quyết của HĐQT, các Báo cáo tài chính quý, các báo cáo nhanh hàng tháng, các bảng kê chi tiết, các chứng từ mà BKS chọn kiểm mẫu,... đều được Ban Tổng Giám đốc, Phòng Kế toán cung cấp đầy đủ các thông tin và dữ liệu liên quan để BKS thực hiện nhiệm vụ.

BKS không nhận được đề nghị từ phía cổ đông yêu cầu thực hiện các quyền của cổ đông trong năm 2019.

3/ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và BKS

a/ Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Thù lao thành viên HĐQT đã nhận trong năm 2019: 429.000.000 đồng

- Thù lao thành viên BKS đã nhận trong năm 2019: 108.000.000 đồng

- Tiền lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc đã nhận trong năm 2019: 2.824.838.686 đồng

- Các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và các cán

bộ quản lý: Không có

b/ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

c/ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Chi tiền cổ tức 36.024.116.000 đồng cho Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Đã thực hiện đầy đủ

- Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty: Không có.

- Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

+ HĐQT duy trì nề nếp hoạt động thường xuyên, phù hợp quy định tại Điều lệ và Quy chế Quản trị

Công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp và số thành viên tham dự để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.

+ HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên phối hợp để ban hành các chủ trương, chính sách mới trong công tác quản lý điều hành và triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

+ BKS thường xuyên phối hợp cùng HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty về việc tuân thủ điều lệ, nội qui và qui chế hoạt động.

VI/ Báo cáo tài chính

1/ Ý kiến kiểm toán (Theo Báo cáo kiểm toán độc lập- số tham chiếu 61120037/21093453- ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (“Công ty”) được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

2/ Báo cáo tài chính được kiểm toán: Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



Phan Hữu Tài
Tổng Giám đốc